TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 295/2025/DS-PT
Ngày: 12/6/2025
V/v "Tranh chấp thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bình

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Bà Lê Thị Minh Trang

- Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Bùi Trung Nam - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 28 tháng 5 năm 2025 và ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 87/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 4 năm 2025 về việc: "Tranh chấp thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 02/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 285/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1978. (Có mặt).

1.2. Bà **Trần Thị N1**, sinh năm 1971. (Có mặt).

1.3. Bà **Trần Thị N2**, sinh năm 1967. (Có mặt).

1.4.Ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1977. (Vắng mặt).

1.5. Bà **Trần Thị Kim T1**, sinh năm 1983. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T và bà T1: Bà Trần Thị N1, sinh năm 1971. (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 28/8/2024). (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

1.6. Bà **Trần Thị C1**, sinh năm 1965. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

1.7. Bà **Trần Thị U**, sinh năm 1968. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị U: Bà **Phan Trần Thúy V**, sinh năm 2006. (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 28/8/2024). (Có mặt).

Địa chỉ: Số A Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông **Trần Thanh N3**, sinh năm 1980. (Có mặt).

Địa chỉ: Số D ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. **Ủy ban nhân dân huyện T**. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ngô Thanh T2 - Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện T.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

3.2. **Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện T**.

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.3. Ông **Hoàng Tuấn P**, sinh năm 1976.

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.4. Bà **Trần Thị Tuyết C**, sinh năm 1978.

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.5. Chị **Trần Thị Thu H**, sinh năm 2004.

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.6. Chị **Phan Thị Như B**, sinh năm 1999.

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.7. Anh **Phan Nhựt B1**, sinh năm 2006.

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.8. Bà **Đào Thị Đ**, sinh năm 1978.

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn bà Trần Thị N, bà Trần Thị N1, bà Trần Thị N2, ông Trần Thanh T, bà Trần Thị Kim T1, bà Trần Thị C1 và bà Trần Thị U.

5. Kháng nghị:

Quyết định số 01/QĐ-VKS-DS ngày 15/01/2025 về việc kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai.

NỘI DUNG VỤ KIỆN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, các đồng nguyên đơn thống nhất trình bày và ý kiến tại phiên tòa sơ thẩm:

Cha mẹ các ông, bà là ông Trần Bá T3 và bà Ngô Thị Đ1, có tất cả 08 người con: Trần Thị C1; Trần Thị N2; Trần Thị U; Trần Thị N1; Trần Thanh T; Trần Thị N; Trần Thanh N3 và Trần Thị Kim T1. Lúc sinh thời, bà Đ1 và ông T3 tạo lập được tài sản là các thửa đất 18 (diện tích 3.641,4m^2), thửa 19 (không rõ diện tích), thửa 1393 (18,5m^2) và thửa 1394 (9,3m^2); tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ. Bà Đ1 chết năm 1999. Đến năm 2021 ông Trần Bá T3 có để lại di chúc định đoạt một phần tài sản cho các con. Ngoài ra di chúc còn thể hiện "Phần còn lại tại thửa 16 và 1394 đứa con nào nuôi dưỡng tôi lúc còn sống và thờ cúng tôi lúc chết thì được hưởng hết phần còn lại". Nay các đồng thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc đối với phần ông T3 đã định đoạt cho những người con có tên trong di chúc. Phần không định đoạt yêu cầu chia theo pháp luật.

Bà Trần Thị N trình bày:

Phần đất tại thửa 18 cha bà định đoạt trong di chúc tặng cho các anh chị em bà gồm ông T, bà, bà N1, bà T1, bà C1, bà U thực tế từ khi mẹ cha bà còn sống đã tặng cho các anh chị em bà, các anh chị em bà sử dụng ổn định từ trước khi cha, mẹ chết cho đến nay. Riêng phần còn lại tại thửa 18, trong di chúc không định đoạt, chỉ định đoạt thửa 16, mà thửa 16 thì các anh chị em bà không ai sử dụng và cũng không biết cha mẹ bà có sử dụng thửa đất đó hay không. Hiện nay các thửa đất ông N3 đang sử dụng gồm một phần thửa 18, thửa 19 và thửa 22 đều chưa được định đoạt trong di chúc. Do đó bà yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với toàn bộ các phần đất ông N3 đang sử dụng. Bà đồng ý tặng cho ông N3 phần diện tích đất mà bà được hưởng tại thửa 1393 và thửa 19. Các phần còn lại bà yêu cầu được hưởng.

Chị Phan Trần Thúy V – đại diện theo ủy quyền của bà U trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của bà N tại phiên tòa sơ thẩm. Chị đại diện theo ủy quyền của bà U yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Trần Bá T3 theo pháp luật gồm các phần đất thực tế ông N3 đang sử dụng tại một phần thửa 18, toàn bộ thửa 19 và thửa 22. Bà U đồng ý tặng cho ông N3 phần diện tích đất mà bà được hưởng tại thửa 1393. Tặng cho bà N2 kỷ phần mà bà được hưởng tại thửa 22. Các phần còn lại bà yêu cầu được hưởng.

Bà Trần Thị N1 trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà N tại phiên tòa sơ thẩm. Bà yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Trần Bá T3 theo pháp luật gồm các phần đất thực tế ông N3 đang sử dụng tại một phần thửa 18, toàn bộ thửa 19 và thửa 22. Bà đồng ý tặng cho ông N3 và bà N2 mỗi người ½ kỷ phần mà bà được hưởng tại một phần thửa 18 (ông N3 đang sử dụng), thửa 19 và 22. Tặng cho ông N3 toàn bộ kỷ phần được hưởng tại thửa 1393. Chỉ yêu cầu được nhận phần đất mà cha mẹ đã tặng cho và bà đang sử dụng. Ông T cũng thống nhất tặng cho ông N3 kỷ phần của ông T tại thửa 1393 và tặng cho ông N3 và bà N2 mỗi người ½ kỷ phần mà ông T được hưởng tại một phần thửa 18 (ông N3 đang sử dụng), thửa 19 và 22.

Bà Trần Thị N2 trình bày:

Bà yêu cầu chia phần di sản còn lại (do ông N3 quản lý) theo pháp luật. Bà yêu cầu được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất.

Bị đơn ông Trần Thanh N3 trình bày xuyên suốt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông là con ruột của ông Trần Bá T3 và bà Ngô Thị Đ1. Ông T3 bà bà Đ1 có tất cả 08 người con đúng như lời trình bày của các đồng nguyên đơn. Mẹ ông chết năm 1999, cha ông chết năm 2023. Cha ông trước khi chết có để lại di chúc. Đối với các phần đất cha ông cho các anh chị em đã định đoạt trong di chúc ngày 04/6/2021 thì ông đồng ý. Đối với phần còn lại, tại di chúc cha ông có ghi rõ "đứa con nào nuôi dưỡng tôi lúc còn sống và thờ cúng tôi khi chết thì được hưởng hết". Do ông là người nuôi dưỡng cha lúc còn sống và hiện tại cũng đang thờ cúng nên yêu cầu được hưởng theo di chúc. Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có lời khai và trình bày xuyên suốt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Trần Thị Thu H trình bày:

Hiện nay chị đang sống cùng bà N1 trên phần đất tranh chấp thừa kế giữa bà N1 và các đồng thừa kế khác với ông N3. Chị không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bà Trần Thị Tuyết C trình bày:

Hiện nay bà đang sống cùng ông Trần Thanh T trên phần đất tranh chấp thừa kế giữa các đồng nguyên đơn và ông N3. Bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ông Hoàng Tuấn P trình bày:

Hiện nay ông đang sống cùng bà Trần Thị N trên phần đất tranh chấp thừa kế giữa các đồng nguyên đơn và ông N3. Ông không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Chị Phan Thị Như B trình bày:

Hiện nay chị đang sống cùng mẹ là bà Trần Thị N trên phần đất tranh chấp thừa kế giữa các đồng nguyên đơn và ông N3. Chị không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Anh Phan Nhựt B1 trình bày:

Hiện nay chị đang sống cùng mẹ là bà Trần Thị N trên phần đất tranh chấp thừa kế giữa các đồng nguyên đơn và ông N3. Chị không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bà Đào Thị Đ trình bày:

Hiện nay bà đang sống cùng ông Trần Thanh N3 trên phần đất tranh chấp thừa kế giữa các đồng nguyên đơn và ông N3. Bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Do hòa giải không thành nên vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại Bản án số 01/2025/DS-ST ngày 02/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N, ông Trần Thanh T, bà Trần Thị Kim T1, Trần Thị N1, Trần Thị N2 đối với ông Trần Thanh N3 về việc chia di sản thừa kế theo di chúc ông Trần Bá T3 và theo quy định pháp luật.

1.1. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đồng nguyên đơn và bị đơn. Giao bà Trần Thị N, bà Trần Thị N1, ông Trần Thanh T, bà Trần Thị U, bà Trần Thị Kim C1, bà Trần Thị Kim T1 tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 2.457,7m^2 thuộc thửa 18, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ và có nghĩa vụ kê khai, xin cấp giấy chứng nhận đồng sở hữu quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất nêu trên.

(Vị trí A, B, C, E, F, G theo hồ sơ trích đo địa chính số: 971/VPĐKĐĐ ngày 29/11/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C. (Đính kèm bản án).

1.2. Giao ông Trần Thanh N3 tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 13,3m^2 (vị trí D) và 1.183,7m^2 (vị trí H) thuộc thửa 18, tờ bản đồ số 07; diện tích 420m^2 thuộc thửa 19, tờ bản đồ số 07 và diện tích 665,7m^2 thuộc thửa 22, tờ bản đồ số 07 tọa lạc

tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ và có nghĩa vụ kê khai, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhập thửa, tách thửa đối với diện tích đất còn lại theo quy định của pháp luật sau khi Ủy ban nhân dân thực hiện thu hồi phục vụ dự án Nâng cao tĩnh không các cầu đường bộ cắt qua tuyến đường thủy nội địa quốc gia.

(Vị trí thửa đất theo hồ sơ trích đo địa chính số: 971/VPĐKĐĐ ngày 29/11/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và môi trường thành phố C. (Đính kèm bản án).

2. Buộc ông Trần Thanh N3 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị tương ứng kỷ phần mà các đồng thừa kế khác được hưởng, cụ thể:

2.1. Buộc ông Trần Thanh N3 hoàn lại cho bà Trần Thị N số tiền 18.295.725 đồng.

2.2. Buộc ông Trần Thanh N3 hoàn lại cho bà Trần Thị U số tiền 26.223.750 đồng.

2.3. Buộc ông Trần Thanh N3 hoàn lại cho bà Trần Thị C1 số tiền 34.045.725 đồng.

2.4. Buộc ông Trần Thanh N3 hoàn lại cho bà Trần Thị Kim T1 số tiền 34.045.725 đồng.

2.5. Buộc ông Trần Thanh N3 hoàn lại cho bà Trần Thị N2 số tiền 75.912.424 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ xét xử đối với thửa đất 1394 các đương sự rút yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí đo đạc thẩm định, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, nguyên đơn bà Trần Thị N, bà Trần Thị N1, bà Trần Thị N2, ông Trần Thanh T, bà Trần Thị Kim T1, bà Trần Thị C1 và Trần Thị U có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết gồm: Sửa bản án sơ thẩm theo yêu cầu của Nguyên đơn là chia thửa 18 và 1393 theo di chúc, phần còn lại chưa được định đoạt trong di chúc thì chia theo pháp luật; Yêu cầu nhận di sản

thừa kế đối với thửa 18: Bà Trần Thị C1, Trần Thị Kim T1, Trần Thị N2, Trần Thị U, Trần Thị N mong muốn nhận phần di sản thừa kế bằng hiện vật là đất; Đối với thửa 19: Bà C1, bà T1, bà N2 đồng ý nhận tiền hoàn từ ông Trần Thanh N3 dựa theo giá nhà nước quy định trong dự án Nâng cao tĩnh không các cầu đường bộ cắt qua tuyến đường thủy nội địa quốc gia – giai đoạn 1 (khu vực phía Nam) – (cầu Đ); Đối với thửa 22: Bà C1, bà T1, bà N2, bà N đồng ý nhận tiền hoàn từ ông Trần Thanh N3 dựa theo giá nhà nước quy định trong dự án nêu trên; Đối với thửa 1393: Bà N4 đồng ý nhận tiền hoàn từ ông Trần Thanh N3 dựa theo giá nhà nước quy định trong dự án nêu trên; Đính chính lại thành tờ bản đồ số 07, năm mất của ông Trần Bá T3 là năm 2022.

Ngày 15/01/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai có Quyết định số 01/QĐ-VKS-DS ngày 15/01/2025 về việc kháng nghị phúc thẩm. Nội dung kháng nghị: đề nghị cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo hướng sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trần Thị N đại diện các đồng nguyên đơn có kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét về việc các đồng nguyên đơn có yêu cầu nhận đất bằng hiện vật đối với diện tích còn lại của T4 18 được chia theo pháp luật nên không đồng ý nhận giá trị đất. Riêng diện tích còn lại được chia theo pháp luật của Thửa 19, 22, 1393 thì các đồng nguyên đơn có yêu cầu được nhận giao đất bằng hiện vật, tuy nhiên nếu Hội đồng xét xử đồng ý giá đất theo bồi thường của Nhà nước khi giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án thì các đồng nguyên đơn đồng ý nhận giá trị đất.

Các bà Trần Thị C1, bà Trần Thị N1, bà Trần Thị N2 và bà Phan Trần Thúy V (đại diện ủy quyền của bà Trần Thị U) đều thống nhất ý kiến của bà N trình bày, không có ai có ý kiến bổ sung.

Ông Trần Thanh N3 là bị đơn có ý kiến trình bày: ông không đồng ý các yêu cầu của các đồng nguyên đơn, ông yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm. Nguyên đơn bà Trần Thị N, bà Trần Thị N1, bà Trần Thị N2, ông Trần Thanh T, bà Trần Thị Kim T1, bà Trần Thị C1 và Trần Thị U có kháng cáo trong hạn luật định, có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo hợp lệ về mặt hình thức. Kháng nghị số

01/QĐ-VKS-DS ngày 15/01/2025 của Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai về việc kháng nghị phúc thẩm theo hướng sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm trong hạn luật định nên kháng nghị hợp lệ về mặt hình thức.

- Về nội dung kháng cáo:

Nguyên đơn bà Trần Thị N, bà Trần Thị N1, bà Trần Thị N2, ông Trần Thanh T, bà Trần Thị Kim T1, bà Trần Thị C1 và Trần Thị U chỉ tặng cho ông Trần Thanh N3 01 phần của thửa 1393 để ông N3 quản lý sử dụng, việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định các đồng nguyên đơn tặng cho toàn bộ thửa 1393 có diện tích 185,3m^2 cho ông Trần Thanh N3 là chưa đúng theo ý chí nguyện vọng của các đồng nguyên đơn, do 01 phần thửa 1393 đã được ghi nhận trong bản di chúc và hiện ông T, bà N1, bà N đang quản lý sử dụng tại các vị trí I, J, K theo bản trích đo địa chính số 971/VPĐKĐĐ ngày 29/11/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai, thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C. Đồng thời việc các đồng nguyên đơn tặng cho 01 phần thửa 1393 cho ông N3, Tòa án không nêu trong phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 02/01/2025 là chưa đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Xét kháng cáo của ông Trần Thanh T, bà Trần Thị N2 và bà Trần Thị N1 yêu cầu công nhận phần đất tại thửa 1393 được cha là ông Trần Bá T3 ghi trong di chúc là có cơ sở chấp nhận. Bà Trần Thị N, Trần Thị N1, Trần Thị N2, Trần Thanh T, Trần Thị Kim T1, Trần Thị C1 và bà Trần Thị U1 kháng cáo yêu cầu nhận hiện vật tại phần đất thuộc thửa số 18 là không có cơ sở xem xét nên không chấp nhận. Từ những phân tích trên. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 02/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ, chấp nhận Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 15/01/2025 của Viện kiểm sát nhận dân huyện T, thành phố Cần Thơ. Chấp nhận 01 phần kháng cáo của ông Trần Thanh T, bà Trần Thị N và bà Trần Thị N1 yêu cầu công nhận phần đất tại thửa 1393 được cha là ông Trần Bá T3 để lại ghi theo di chúc; Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị N, bà Trần Thị N1, bà Trần Thị N2, ông Trần Thanh T, bà Trần Thị Kim T1, bà Trần Thị C1 và bà Trần Thị U1 yêu cầu nhận hiện vật tại 01 phần đất còn lại của thửa đất số 18. Buộc ông Trần Thanh N3 có nghĩa vụ thối giá trị cho các nguyên đơn theo giá thị trường được định giá tại biên bản định giá hồi 14 giờ 00 phút ngày 06/06/2025 của Hội đồng định giá.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Xét mối quan hệ pháp luật thì đây là vụ kiện: *"Tranh chấp thừa kế tài sản".* Tòa án nhân dân huyện Thới Lai đã thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị N, bà Trần Thị N1, bà Trần Thị N2, ông Trần Thanh T, bà Trần Thị Kim T1, bà Trần Thị C1 và Trần Thị U có kháng cáo trong hạn luật định, có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét. Việc ủy quyền là hợp lệ và đúng quy định. Mặt khác, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt những người vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn nhận thấy:

Bà Trần Thị N, ông Trần Thanh T, bà Trần Thị Kim T1, bà Trần Thị N1, bà Trần Thị C1, bà Trần Thị U và bà Trần Thị N2 khởi kiện bị đơn ông Trần Thanh N3 để yêu cầu chia tài sản thừa kế là quyền sử dụng đất do cha mẹ của các ông, bà là ông Trần Bá T3 (mất năm 2022) và bà Ngô Thị Đ1 (mất năm 1999) để lại. Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ. Yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc đối với diện tích đất 2.457,7m^2 (một phần thửa 18) tờ bản đồ số 07. Các thửa đất 19, 22, 1393, 1394 và một phần thửa 18 chưa định đoạt trong di chúc yêu cầu chia theo pháp luật. Các đương sự đều thống nhất Bản trích đo địa chính số 971/VPĐKĐĐ ngày 29/11/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C *(nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố C)* là căn cứ giải quyết vụ kiện.

Các đương sự đều thống nhất ông T3 và bà Đ1 có tất cả 08 người con là bà Trần Thị N, ông Trần Thanh T, bà Trần Thị Kim T1, bà Trần Thị N1, bà Trần Thị C1, bà Trần Thị U, bà Trần Thị N2 và ông Trần Thanh N3. Cha và mẹ của ông T3 đều đã mất trước khi ông T3 mất. Nên xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Bá T3 có 08 người con và hiện nay những người này còn sống đầy đủ. Lúc còn sống thì ông T3 có tạo lập khối tài sản gồm:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03323 do UBND huyện T cấp ngày 24/03/2021, có diện tích là 3.641,4m^2, tại tờ bản đồ số 07; thửa số 18, Đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03321 do UBND huyện T cấp ngày 24/03/2021, có diện tích là 185,3m^2, tại tờ bản đồ số 07; thửa số 1393, Đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03322 do UBND huyện T cấp ngày 24/03/2021, có diện tích là 09,3m^2, tại tờ bản đồ số 07; thửa số 1394, Đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

4. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00202 do UBND huyện T cấp ngày 26/5/2010, có diện tích là 420m^2, tại tờ bản đồ số 07; thửa số 19, Đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

5. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00201 do UBND huyện T cấp ngày 26/5/2010, có diện tích là 1.230 m^2, tại tờ bản đồ số 07; thửa số 22, Đất cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Vì vậy, có cơ sở xác định được di sản thừa kế do ông Trần Bá T3 để lại làm cơ sở xem xét, giải quyết vụ kiện.

[3] Xét các tờ Di chúc lập ngày 04/6/2021:

Đối với tờ Di chúc lập ngày 04/6/2021, các đương sự đều thống nhất ông Trần Bá T3 có ký tên vào tờ di chúc đề ngày 04/6/2021. Xét về nội dung Di chúc của ông Trần Bá T3: Ngày 16/12/2024 Tòa án nhân dân huyện Thới Lai tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ được biết, do Uỷ ban chứng thực chữ ký của ông T3 không chứng thực nội dung trong bản di chúc nên không biết có sai sót tại thửa số 16. Đến năm 2024, Ủy ban nhân dân xã Đ qua rà soát khi kết hợp với Ban quản lý dự án thì mới phát hiện có lỗi sai kỹ thuật trong di chúc, nên ngày 27/02/2024 Ủy ban nhân dân xã Đ chỉnh sửa thửa số 16 thành thửa số 18. Căn cứ là vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Trần Bá T3 đứng tên không có Thửa đất số 16. Do đó, việc đính chính theo yêu cầu của Ban quản lý dự án là có căn cứ và phù hợp để các đương sự chia thừa kế và giải phóng mặt bằng. (Được ghi nhận tại bút lục số 221).

Nhận thấy, Di chúc do ông Trần Bá T3 lập ngày 04/6/2021 là tự nguyện, tinh thần minh mẫn, sáng suốt, Di chúc cũng thể hiện đầy đủ nội dung, tuy nhiên trong quá trình lập bản Di chúc có thể hiện thửa đất số 16, nhưng trong khối tài sản của

ông T3 không có thửa đất số 16 nói trên, ngoài ra ông T3 chết vào năm 2022, việc tự sửa lại bản Di chúc của Ủy ban nhân dân xã Đ từ thửa số 16 thành số 18 là khách quan vì Ủy ban nhân dân xã Đ cũng xác nhận rõ là do ông Trần Bá T3 không có đứng tên thửa đất số 16. Ngoài ra, Di chúc do ông Trần Bá T3 lập ngày 04/6/2021 cũng ghi rõ nội dung: *"Tôi là chủ sở hữu khối tài sản gồm 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*, do đó ông T3 đã xác định các thửa 18, 1393 và 1394, tờ bản đồ số 07 là tài sản của ông khi tiến hành lập di chúc. Đồng thời thửa số 19, thửa số 22, một phần thửa số 1393 không được nêu trong bản di chúc nên cần phải chia thừa kế theo pháp luật. Từ những nhận định trên xét thấy bản Di chúc của ông Trần Bá T3 là đúng quy định về mặt thủ tục tại Điều 636 Bộ luật Dân sự 2015và nội dung tại Điều 631 Bộ luật Dân sự 2015Như vậy, Di chúc được lập ngày 04/6/2021 là Di chúc hợp pháp, có giá trị pháp lý. Mặt khác, nguyên đơn và bị đơn đều xác định toàn bộ quyền sử dụng đất tại các thửa 18, 19, 22, 1393, 1394 đều là tài sản của cha và mẹ. Khi còn sống, ông T3 và bà Đ1 đã định đoạt tặng cho các con là T, N1, T1, C1, U, N các diện tích đất thực tế mà những người này đang sử dụng. Do vậy, Di chúc của ông T3 chỉ định đoạt lại phần tài sản do vợ chồng ông đã định đoạt khi bà Đ1 còn sống. Phần này các đương sự thống nhất phân chia theo di chúc và việc định đoạt đó của ông T3 phù hợp với sự định đoạt thực tế của cả ông T3 và bà Đ1 lúc còn sống nên cả nguyên đơn, bị đơn thống nhất là phù hợp.

Riêng phần diện tích đất còn lại của thửa 18, toàn bộ thửa 19 và thửa 22. Khi còn sống bà Đ1 chưa thể hiện ý chí định đoạt. Thời điểm bà Đ1 chết, phát sinh quyền thừa kế của các đồng nguyên đơn, bị đơn và ông T3. Tuy nhiên, do không am hiểu pháp luật nên các con ông T3 và bà Đ1 đã không tranh chấp. Các đương sự vẫn thống nhất xem xét giải quyết theo Di chúc và thống nhất xác định toàn bộ các thửa đất này là tài sản của ông T3. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các đồng nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với các thửa 19, 22 và 01 phần thửa 18 mà ông N3 đang trực tiếp quản lý, sử dụng là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N2; bà Trần Thị N; ông Trần Thanh T; bà Trần Thị Kim T1; bà Trần Thị N1; bà Trần Thị C1; bà Trần Thị U yêu cầu được chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại theo pháp luật bao gồm một phần diện tích tại Thửa 18, một phần Thửa 1393, toàn bộ diện tích đất tại T, Thửa 22, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ mà chưa được định đoạt trong Di chúc. Nhận thấy phần tài sản còn lại trong bản di chúc của ông Trần Bá T3 chỉ nêu "đứa con nào nuôi dưỡng lúc còn sống và thờ cúng lúc chết thì được

hưởng phần còn lại". Do một phần thửa đất số 18, một phần thửa đất số 1393, toàn bộ diện tích đất tại thửa 19, thửa đất số 22 chưa được định đoạt trong bản Di chúc nên các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là phù hợp theo quy định. Đối với thửa số 1394 do các đồng nguyên đơn yêu cầu rút phần tranh chấp do chưa xác định hiện trạng đất và người quản lý thực tế (Biên bản hòa giải lập ngày 12/12/2024) nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu cầu này.

[5] Xét kháng cáo của các đương sự gồm: bà Trần Thị N, ông Trần Thanh T, bà Trần Thị Kim T1, bà Trần Thị N1, bà Trần Thị C1, bà Trần Thị U và bà Trần Thị N2:

- Di chúc được lập ngày 04/6/2021 là Di chúc hợp pháp, có giá trị pháp lý nên kháng cáo của ông Trần Thanh T, bà Trần Thị N1 và bà Trần Thị N yêu cầu công nhận phần đất tại thửa 1393 được cha là ông Trần Bá T3 ghi trong di chúc là có cơ sở chấp nhận tại vị trí I, J, K theo Bản trích đo địa chính số 971/VPĐKĐĐ ngày 29/11/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố C).

- Riêng đối với diện tích còn lại 12,4m^2 của Thửa 1393 thì các nguyên đơn thống nhất tặng lại cho ông N3 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này tại vị trí L theo Bản trích đo địa chính số 971/VPĐKĐĐ ngày 29/11/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố C).

- Xét lời trình bày của ông N3 về công sức nuôi dưỡng, thờ cúng cha mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, trước khi chết, ông T3 sống cùng ông N3 tại căn nhà gắn liền thửa đất 19. Nay các anh chị em của ông N3 không yêu cầu chia di sản thừa kế là căn nhà do ông T3 và bà Đ1 để lại. Bà N, người đại diện theo ủy quyền của bà U, người đại diện theo ủy quyền của bà T1 xác định kỷ phần tại thửa 19 của các ông bà sẽ tặng cho ông Trần Thanh N3. Bà N1 và ông T xác định kỷ phần của các ông bà tại một phần thửa 18 còn lại, thửa 19 và 22 sẽ tặng cho ông N3 và bà N2 mỗi người 50%. Đều đó cũng phù hợp với công sức ông N3 đã chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp ông T3 khi ông T3 còn sống và thờ cúng khi ông T3 chết.

- Mặc dù các đồng nguyên đơn có yêu cầu nhận di sản bằng hiện vật là quyền sử dụng đất, nhưng xét thấy trong toàn bộ phần đất ông N3 đang sử dụng có thửa 19 gắn liền căn nhà là nơi ông N3 đang sinh sống và thờ cúng ông T3; phần còn lại của thửa 18 có nhà mồ là nơi chôn cất bà Đ1 và ông T3; Thửa 22 đang được nhà nước quy hoạch, thu hồi phục vụ lợi ích xã hội. Ông Trần Thanh N3 chỉ đồng ý cho bà N2

sử dụng diện tích đất 150m^2 còn lại sau khi Nhà nước thu hồi, giải phóng mặt bằng của Thửa 22 và không xác định vị trí cụ thể. Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông N3 đồng ý cho bà N2 sử dụng diện tích đất 150m^2 còn lại, vị trí sẽ được ông N3 và bà N2 tự thực hiện sau khi Nhà nước thu hồi, giải phóng mặt bằng của Thửa 22 nên được ghi nhận; Đối với thửa 19 mục đích sử dụng là đất ở, hiện nay đã được ông N3 sử dụng toàn bộ cùng với ngôi nhà gắn liền do ông T3 và bà Đ1 để lại làm nơi thờ cúng. Các diện tích đất còn lại mục đích sử dụng là cây lâu năm và cây hàng năm khác. Căn cứ diện tích đất ông N3 đang sử dụng thực tế tại các thửa không thể thực hiện việc tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đồng nguyên đơn theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố C về diện tích tối thiểu được tách thửa. Vì vậy, cần ổn định toàn bộ diện tích đất nêu trên cho ông N3 tiếp tục quản lý, sử dụng. Ngoài những kỷ phần mà các đồng thừa kế tặng cho ông N3 thì ông N3 có nghĩa vụ hoàn lại các kỷ phần tương đương giá trị mà các đồng thừa kế khác được hưởng. Mặt khác, việc các đồng nguyên đơn yêu cầu nhận theo giá tiền bồi thường khi Ủy ban nhân dân thực hiện thu hồi phục vụ dự án Nâng cao tĩnh không các cầu đường bộ cắt qua tuyến đường thủy nội địa quốc gia – giai đoạn 1 (khu vực phía Nam) – (cầu Đ) là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, kháng cáo của các đồng nguyên đơn về yêu cầu nhận đất ở và nếu nhận tiền hoàn theo giá bồi thường khi Ủy ban nhân dân thực hiện thu hồi phục vụ dự án là có cơ sở xem xét.

- Căn cứ Biên bản định giá ngày 22/10/2024 được lập bởi Tòa án nhân dân huyện Thới Lai;

- Căn cứ Biên bản định giá ngày 06/6/2025 được lập bởi Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;

- Cùng sự thống nhất của các đồng nguyên đơn và bị đơn về việc áp dụng giá theo Biên bản định giá ngày 06/6/2025 được lập bởi Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;

Giá trị tài sản tranh chấp (Thửa 19, 22 và một phần thửa 18) được xác định như sau:

+ Thửa 19 diện tích 420m^2, loại đất ONT có giá: 1.760.000 đồng/1m^2 x 420m^2 = 739.200.000 đồng. Như vậy, 01 kỷ phần tương ứng với số tiền là: 739.200.000 đồng/08 người = 92.400.000 đồng.

+ Thửa 22 diện tích 665,7m^2, loại đất CLN có giá: 790.000 đồng/1m^2 x 665,7 = 525.903.000 đồng. Như vậy, 01 kỷ phần tương ứng với số tiền: 525.903.000 đồng/08 người = 65.737.875 đồng.

+ 01 phần thửa 18 (vị trí D và H của mảnh trích đo địa chính) diện tích 1.183,7m^2 + 13,3 m^2 =1.197m^2, loại đất HNK có giá: 766.000 đồng/1m^2 x 1.197m^2 = 916.902.000 đồng. Như vậy, 01 kỷ phần tương ứng với số tiền: 916.902.000 đồng/08 người = 114.612.750 đồng.

Ông Trần Thanh N3 có nghĩa vụ hoàn lại kỷ phần bằng giá trị cho các đồng nguyên đơn, cụ thể:

+ Bà Trần Thị N được hưởng 01 kỷ phần ở thửa 18 và 22, do đó ông Trần Thanh N3 có nghĩa vụ hoàn lại cho bà N số tiền 114.612.750 đồng + 65.737.875 đồng = 180.350.625 đồng.

+ Bà Trần Thị U yêu cầu được nhận 01 kỷ phần ở thửa 18, ông Trần Thanh N3 có nghĩa vụ hoàn lại cho bà U số tiền 114.612.750 đồng.

+ Bà Trần Thị C1 yêu cầu được nhận 01 kỷ phần ở thửa 18, 19 và 22; ông N3 có nghĩa vụ hoàn lại cho bà C1 số tiền 114.612.750 đồng + 92.400.000 đồng + 65.737.875 đồng = 272.750.625 đồng.

+ Bà Trần Thị Kim T1 yêu cầu được nhận 01 kỷ phần ở thửa 18 và 22, ông N3 có nghĩa vụ hoàn lại cho bà T1 số tiền 114.612.750 đồng + 65.737.875 đồng = 180.350.625 đồng.

+ Bà Trần Thị N2 được hưởng 01 kỷ phần ở thửa 18, 19 và 22 là 114.612.750 đồng + 92.400.000 đồng + 65.737.875 đồng = 272.750.625 đồng. Ngoài ra, bà N2 còn được nhận kỷ phần ở thửa 22 bà U tặng cho là 65.737.875 đồng; ½ kỷ phần của thửa 18, 19 và 22 mà ông T và bà N1 tặng cho nên bằng 01 kỷ phần của thửa 18, 19 và 22, tổng cộng là 272.750.625 đồng. Như vậy, ông N3 có nghĩa vụ hoàn lại cho bà N2 tổng số tiền 272.750.625 đồng + 65.737.875 đồng + 272.750.625 đồng = 611.239.125 đồng.

Do thửa đất số 18, loại đất trồng cây hàng năm khác (HNK), theo Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố C, quy định cụ thể đối với diện tích được tách thửa để hình thành thửa đất mới và diện tích còn lại của thửa đất sau khi tách phải lớn hơn hoặc bằng là 1.000m^2. Trong khi đó, ông T, bà N1, bà N, bà C1, bà T1, bà U sử dụng tổng diện tích 2.457,7m^2 nên ông T, bà N1, bà N, bà C1, bà T1, bà U thống nhất đồng sở hữu đối với diện tích đất này. Ông Trần Thanh N3 được sử dụng và kê khai tách thửa (hoặc nhập thửa) đối với diện tích đất còn lại tại thửa 18 vị trí D, H diện tích là 1.197m^2, thửa 19 và thửa 22 sau khi Nhà nước hoàn tất thủ tục thu hồi đối với phần liên quan dự án.

[6] Xét kháng nghị của Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai: Kháng nghị một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 02/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai. Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng nguyên đơn tặng cho kỷ phần được nhận thuộc một phần thửa 1393 lại cho ông Trần Thanh N3 quản lý, sử dụng và nêu phần ghi nhận này vào phần quyết định của bản án, để đảm bảo cho việc thi hành bản án của Tòa án và đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự đúng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa các đồng nguyên đơn cũng đồng ý tặng lại cho ông Trần Thanh N3 đối với diện tích còn lại tại vị trí L có diện tích là 12,4m^2 của Thửa 1393 nên Hội đồng xét xử đã ghi nhận và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai là có cơ sở chấp nhận.

[7] Với những nhận định trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp đúng quy định. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên giữ nguyên. Tuy nhiên có sửa một phần bản án do tuyên án không đúng diễn biến phiên tòa sơ thẩm và có thay đổi về giá trị đất có tranh chấp tại giai đoạn phúc thẩm, do đó cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm (lỗi khách quan).

[8] Về chi phí tố tụng: Giữ nguyên như án sơ thẩm quyết định. Tại giai đoạn phúc thẩm, chi phí định giá tài sản là 4.000.000 đồng nên các đồng nguyên đơn phải chịu.

[9] Tài sản và vật kiến trúc trên đất các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí:

[10.1] Án phí sơ thẩm: Do có thay đổi về giá trị đất có tranh chấp tại giai đoạn phúc thẩm nên cần sửa án phí sơ thẩm theo quy định như sau:

Các đương sự phải chịu án phí tương ứng giá trị tài sản (kỷ phần) được hưởng.

[10.1.1] Bà Trần Thị N được hưởng diện tích đất 295,1m^2 (loại đất HNK) tại thửa 18 tương đương số tiền 226.046.600 đồng, diện tích 49.6m^2 (loại đất HNK) tại thửa 1393 tương đương số tiền là 37.993.600 đồng, cùng với số tiền buộc ông N3 hoàn lại 180.350.625 đồng, tổng kỷ phần được hưởng tương đương số tiền 226.046.600 đồng + 37.993.600 đồng + 180.350.625 đồng = 444.390.825 đồng. Bà N phải chịu án phí đối với tổng kỷ phần được hưởng này.

[10.1.2] Bà Trần Thị N1 được hưởng diện tích đất 327,8m^2 tại thửa 18 tương đương số tiền 251.094.800 đồng và diện tích 55.3m^2 (loại đất HNK) tại thửa 1393

tương đương số tiền là 42.359.800 đồng, tổng kỷ phần được hưởng tương đương số tiền 251.094.800 đồng + 42.359.800 đồng = 293.454.600 đồng. Bà N1 phải chịu án phí đối với kỷ phần được hưởng này.

[10.1.3] Ông Trần Thanh T được hưởng diện tích đất 1.387,5m^2 tại thửa 18 tương đương số tiền 1.062.825.000 đồng và diện tích 68.0m^2 (loại đất HNK) tại thửa 1393 tương đương số tiền là 52.088.000 đồng, tổng kỷ phần được hưởng tương đương số tiền 1.062.825.000 đồng + 52.088.000 đồng = 1.114.913.000 đồng. Ông T phải chịu án phí đối với kỷ phần được hưởng này.

[10.1.4] Bà Trần Thị U được hưởng diện tích đất 141,6m^2 tại thửa 18 tương đương số tiền 108.465.600 đồng, cùng với số tiền buộc ông N3 hoàn lại 114.612.750 đồng, tổng kỷ phần được hưởng tương đương số tiền 223.078.350 đồng. Bà U phải chịu án phí đối với tổng kỷ phần được hưởng này.

[10.1.5] Bà Trần Thị C1 được hưởng diện tích đất 144,7m^2 tại thửa 18 tương đương số tiền 110.840.200 đồng, cùng với số tiền buộc ông N3 hoàn lại 272.750.625 đồng, tổng kỷ phần được hưởng tương đương số tiền 383.590.825 đồng. Bà C1 phải chịu án phí đối với tổng kỷ phần được hưởng này.

[10.1.6] Bà Trần Thị Kim T1 được hưởng diện tích đất 147,7m^2 tại thửa 18 tương đương số tiền 113.138.200 đồng, cùng với số tiền buộc ông N3 hoàn lại 180.350.625 đồng, tổng kỷ phần được hưởng tương đương số tiền 293.488.825 đồng. Bà T1 phải chịu án phí đối với tổng kỷ phần được hưởng này.

[10.1.7] Bà Trần Thị N2 là người khuyết tật nên được miễn nộp án phí.

[10.1.8] Ông Trần Thanh N3 được hưởng 1/8 của thửa 18 còn lại (13,3m^2 + 1.183,7m^2) = 114.612.750 đồng, một phần của thửa 1393 (12.4m^2) = 9.498.400 đồng, 1/8 của thửa 19 (420m^2) = 92.400.000 đồng, 1/8 của thửa 22 (665,7m^2) = 65.737.875 đồng. Ngoài ra, ông N3 còn được nhận các kỷ phần do các đồng thừa kế khác tặng cho khác, gồm: ½ kỷ phần của thửa 18, 19, và 22 do bà N1 tặng cho và ½ kỷ phần của thửa 18, 19, và 22 do ông T tặng cho nên bằng 01 kỷ phần của thửa 18,19 và 22, tổng cộng số tiền 272.750.625 đồng và được hưởng 01 kỷ phần của Thửa 19 từ bà Trần Thị N, bà Trần Thị U và bà Trần Thị Kim T1 tặng cho, tương ứng số tiền 92.400.000 đồng x 3 (kỷ phần) = 277.200.000 đồng . Tổng số tiền: 114.612.750 đồng + 9.498.400 đồng + 92.400.000 đồng + 65.737.875 đồng + 272.750.625 đồng + 277.200.000 đồng = 832.199.650 đồng, ông N3 phải chịu án phí đối với số tiền này.

[10.2] Án phí phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, nên án phí không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 15/01/2025 của Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai về việc kháng nghị phúc thẩm.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị N, ông Trần Thanh T và bà Trần Thị N1 yêu cầu công nhận phần đất tại thửa 1393 tại vị trí I, J, K và các nguyên đơn tặng cho ông Trần Thanh N3 kỷ phần thuộc một phần thửa 1393 tại vị trí L có diện tích 12,4m^2 để ông N3 sử dụng theo Bản trích đo địa chính số 971/VPĐKĐĐ ngày 29/11/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố C).

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị N, bà Trần Thị N1, bà Trần Thị N2, ông Trần Thanh T, bà Trần Thị Kim T1, bà Trần Thị C1 và bàTrần Thị U2 yêu cầu nhận hiện vật tại 01 phần của thửa số 18. Buộc ông Trần Thanh N3 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị tương ứng kỷ phần mà các đồng thừa kế được hưởng cho các nguyên đơn theo Biên bản định giá ngày 06/6/2025 được lập bởi Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 02/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N, ông Trần Thanh T, bà Trần Thị Kim T1, bà Trần Thị N1 và bà Trần Thị N2 đối với ông Trần Thanh N3 về việc chia di sản thừa kế theo di chúc ông Trần Bá T3 và theo quy định pháp luật.

1.1. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đồng nguyên đơn và bị đơn. Giao bà Trần Thị N, bà Trần Thị N1, ông Trần Thanh T, bà Trần Thị U, bà Trần Thị Kim C1, bà Trần Thị Kim T1 tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 2.457,7m^2 thuộc thửa 18, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ và có nghĩa vụ kê

khai, xin cấp giấy chứng nhận đồng sở hữu quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất nêu trên.

Vị trí A, B, C, E, F, G theo Bản trích đo địa chính số 971/VPĐKĐĐ ngày 29/11/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố C).

1.2. Giao ông Trần Thanh N3 tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 13,3m^2 (vị trí D) và 1.183,7m^2 (vị trí H) thuộc thửa 18, tờ bản đồ số 07; diện tích 420m^2 thuộc thửa 19, tờ bản đồ số 07 và diện tích 665,7m^2 thuộc thửa 22, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ và có nghĩa vụ kê khai, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhập thửa, tách thửa đối với diện tích đất còn lại theo quy định của pháp luật sau khi Ủy ban nhân dân thực hiện thu hồi phục vụ dự án Nâng cao tĩnh không các cầu đường bộ cắt qua tuyến đường thủy nội địa quốc gia – giai đoạn 1 (khu vực phía Nam) – (cầu Đ).

Vị trí thửa đất theo Bản trích đo địa chính số 971/VPĐKĐĐ ngày 29/11/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố C).

1.3. Giao cho ông Trần Thanh T, bà Trần Thị N1 và bà Trần Thị N và ông Trần Thanh N3 tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 185,3m^2 thuộc thửa 1393, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ và có nghĩa vụ kê khai, xin cấp giấy chứng nhận đồng sở hữu quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất nêu trên.

Vị trí I, J, K, L theo Bản trích đo địa chính số 971/VPĐKĐĐ ngày 29/11/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố C).

2. Buộc ông Trần Thanh N3 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị tương ứng kỷ phần mà các đồng thừa kế khác được hưởng, cụ thể:

2.1. Buộc ông Trần Thanh N3 hoàn lại cho bà Trần Thị N số tiền 180.350.625 đồng.

2.2. Buộc ông Trần Thanh N3 hoàn lại cho bà Trần Thị U số tiền 114.612.750 đồng.

2.3. Buộc ông Trần Thanh N3 hoàn lại cho bà Trần Thị C1 số tiền 272.750.625 đồng.

2.4. Buộc ông Trần Thanh N3 hoàn lại cho bà Trần Thị Kim T1 số tiền 180.350.625 đồng.

2.5. Buộc ông Trần Thanh N3 hoàn lại cho bà Trần Thị N2 số tiền 611.239.125 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ xét xử đối với thửa đất 1394 do các đương sự rút yêu cầu.

4. Về chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

4.1. Tại giai đoạn sơ thẩm: số tiền 7.000.000 đồng đã thực hiện xong. Buộc bà N2, bà N1, bà T1, bà C1, bà U, ông T và ông N3, mỗi người hoàn lại cho bà N số tiền 875.000 đồng.

4.2. Tại giai đoạn phúc thẩm: số tiền 4.000.000 đồng đã thực hiện xong. Buộc bà N2, bà N1, bà T1, bà C1, bà U và ông T, mỗi người hoàn lại cho bà N số tiền 571.429 đồng.

5. Về án phí:

5.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

5.1.1. Bà Trần Thị N2 là người khuyết tật nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

5.1.2. Buộc bà Trần Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 21.775.633 đồng. Bà N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 823.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004333 ngày 30/8/2024 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ được chuyển thu án phí. Bà N còn phải nộp tiếp 20.952.633 đồng.

5.1.3. Buộc bà Trần Thị N1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 14.672.700 đồng. Bà N1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 901.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004336 ngày 30/8/2024 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ được chuyển thu án phí. Bà N1 còn phải nộp tiếp 13.771.700 đồng.

5.1.4. Buộc ông Trần Thanh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 45.447.390 đồng. Ông T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.134.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004337 ngày 30/8/2024 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ được chuyển thu án phí. Ông T còn phải nộp tiếp 42.313.390 đồng.

5.1.5. Buộc bà Trần Thị U phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 11.153.918 đồng. Bà U đã nộp tạm ứng án phí số tiền 355.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004334 ngày

30/8/2024 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ được chuyển thu án phí. Bà U còn phải nộp tiếp 10.798.918 đồng.

5.1.6. Buộc bà Trần Thị C1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 19.179.541 đồng. Bà C1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 339.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004335 ngảy 30/8/2024 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ được chuyển thu án phí. Bà C1 còn phải nộp tiếp 18.840.541 đồng.

5.1.7. Buộc bà Trần Thị Kim T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 14.674.441 đồng. Bà T1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 347.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004338 ngảy 30/8/2024 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ được chuyển thu án phí. Bà T1 còn phải nộp tiếp 14.327.441 đồng.

5.1.8. Buộc ông Trần Thanh N3 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 36.965.990 đồng tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

5.2. Án phí phúc thẩm:

5.2.1. Bà Trần Thị N2 là người khuyết tật nên được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

5.2.2. Bà Trần Thị U được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai số 0004706 ngày 10/01/2025 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

5.2.3. Ông Trần Thanh T được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai số 0004700 ngày 10/01/2025 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

5.2.4. Bà Trần Thị C1 được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai số 0004704 ngày 10/01/2025 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

5.2.5. Bà Trần Thị N được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai số 0004703 ngày 10/01/2025 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

5.2.6. Bà Trần Thị Kim T1 được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai số 0004701 ngày 10/01/2025 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

5.2.7. Bà Trần Thị N1 được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai số 0004702 ngày 10/01/2025 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Khi bản án có hiệu luật pháp luật, sau khi Nhà nước đã xem xét giải quyết xong tiền giải phóng mặt bằng đối với phần đất bị thu hồi thì các đương sự bàn giao ngay toàn bộ phần diện tích nằm trong giải phóng mặt bằng phục vụ dự án Nâng cao tĩnh không các cầu đường bộ cắt qua tuyến đường thủy nội địa quốc gia – giai đoạn 1 (khu vực phía Nam) – (cầu Đ) cho Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Cần Thơ theo Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của Ủy ban nhân huyện T, thành phố Cần Thơ để thực hiện thủ tục đất đai theo quy định.

Theo Bản trích đo địa chính số 971/VPĐKĐĐ ngày 29/11/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố C).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND TPCT;*
- *TAND H. Thới Lai;*
- *Chi Cục THADS H. Thới Lai;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Bình